

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01/12/2017.

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**
2. Ông **Nguyễn Thanh Bình**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Khương**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 362/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02-11-2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều L**, sinh năm: 1984 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Giang C**, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn xin ly hôn ngày 21-3-2017, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Huỳnh Giang C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Tp.HCM theo giấy nhận đăng ký kết hôn số 37 Quyển 01/2006 ngày 08-02-2006.

Quá trình chung sống có 02 con chung là: Huỳnh Duy K, sinh ngày 05-06-2006 và Huỳnh Nguyễn Như H, sinh ngày 13-10-2009.

Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm do ông C không có trách nhiệm với gia đình, không kiếm việc làm, thường hay nhậu say về kiếm chuyện gây gổ khiến cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm ngày càng phai nhạt, nay bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông C nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: sau khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi 02 trẻ Huỳnh Duy K, sinh ngày 05-06-2006 và Huỳnh Nguyễn Như H, sinh ngày 13-10-2009, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con vì bà có khả năng.

Về tài sản chung: cả hai không có tài sản chung

Về nợ chung: bà L xác nhận không nợ ai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Giang C đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh cấp, tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định tại các Điều 170, 171, 175 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên ông C vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Giang C. Do ông C có nơi cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Huỳnh Giang C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Bà Nguyễn Thị Kiều L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyền 01/2006 ngày 08-02-2006 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Huỳnh Giang C là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kiều L xác nhận thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc với nhau từ lâu mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan hệ vợ chồng với nhau nữa. Nay bà L muốn ly hôn với ông C vì không còn tình cảm với ông C.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông C không đạt được, hạnh phúc không còn nữa, Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L yêu cầu ly hôn với ông C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Về con chung: sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ Huỳnh Duy K, sinh ngày 05-06-2006 và Huỳnh Nguyễn Như H, sinh ngày 13-10-2009, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con vì bà có khả năng. Căn cứ vào biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Huỳnh Duy K và Huỳnh Nguyễn Như H, cả hai trẻ đều có mong muốn được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà L.

Về tài sản chung: bà L xác định không có tài sản chung. Tòa không xét.

Về nợ chung: Bà L xác định không nợ ai. Tòa không xét

[3]Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều L đối với ông Huỳnh Giang C.

Bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Huỳnh Giang C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Huỳnh Giang C chấm dứt cũng như Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37 Quyền 01/2006 ngày 08-02-2006 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai trẻ Huỳnh Duy K, sinh ngày 05-06-2006 và Huỳnh Nguyễn Như H, sinh ngày 13-10-2009 cho bà Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Giang C do bà L có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà L xác định không có tài sản chung. Tòa không xét.

4. Về nợ chung: Bà L xác định không nợ ai. Tòa không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033077 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền